

Số: 1185/KH-UBND

Bến Tre, ngày 18 tháng 3 năm 2019

KẾ HOẠCH

Thực hiện Kết luận của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp, nông dân, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018 – 2020 và định hướng đến năm 2025

Thực hiện Kết luận số 359-KL/TU ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tỉnh ủy Bến Tre về phát triển nông nghiệp, nông dân, xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 và định hướng đến năm 2025 (gọi tắt là Kết luận số 359), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện, với nội dung cụ thể như sau:

I. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (gọi tắt là Nghị quyết số 26)

1. Những thành tựu cơ bản so với mục tiêu Nghị quyết số 26

- Thực hiện Nghị quyết số 26 của Trung ương, nông nghiệp của tỉnh phát triển theo hướng hàng hoá, năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của sản phẩm không ngừng nâng lên; bước đầu xây dựng được chuỗi giá trị một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh; hình thành một số vùng sản xuất tập trung, đáp ứng ngày càng tốt hơn nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch và đa dạng hóa ngành nghề, góp phần đáng kể vào việc thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Bên cạnh đó, kết cấu hạ tầng nông thôn được quan tâm đầu tư, bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn; vị thế, vai trò của giai cấp nông dân ngày càng được phát huy.

- Đến cuối năm 2017, tỉnh Bến Tre cơ bản thực hiện vượt chỉ tiêu về giá trị sản xuất khu vực kinh tế nông nghiệp (khu vực I), tăng trưởng bình quân 4,94%/năm trong giai đoạn 2008-2017, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng 3,07 lần so với năm 2008; đến cuối 2018 có 30 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 60% chỉ tiêu đến năm 2020; các chỉ tiêu chưa đạt tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 6,08% năm 2018 (chỉ tiêu nghị quyết 3%), tỷ trọng lao động nông nghiệp còn khoảng 54,83%, giảm bình quân 2,32%/năm (chỉ tiêu nghị quyết 30%); ngoài ra các chỉ tiêu như tỉ lệ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh, tỉ lệ dân cư nông thôn sử dụng điện đạt tỷ lệ cao.

2. Những tồn tại, hạn chế, yếu kém

- Nguy cơ tụt hậu về kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; sản xuất nông nghiệp vẫn manh mún, chật hẹp trong chiếc áo kinh tế hộ; tư duy sản xuất nông nghiệp, tư duy kinh tế nông nghiệp của người nông dân và cả đội ngũ cán bộ còn rất mờ nhạt; các khâu: Thị trường - Sản xuất - Thu mua - Chế biến - Tiêu thụ,... chủ yếu là những phân khúc rời rạc, chưa hình thành và vận hành được chuỗi giá trị bền vững.

- Người nông dân vẫn là người chịu thiệt thòi nhất trong cơ chế thị trường do sự năng động, ý thức vươn lên làm giàu chưa cao.

- Xây dựng nông thôn mới tiến độ chậm. Người dân chưa thật sự đóng vai trò chủ thể. Tư duy chạy vốn để xây dựng thiết chế nặng hơn tư duy phát huy nội lực, phát triển các giá trị vật chất và văn hóa tinh thần trong nông thôn; nhiều vấn đề bất ổn trong nông thôn như: tệ nạn, ô nhiễm, tranh chấp khiếu kiện diễn biến phức tạp. Nhất là, các mô hình phát triển sản xuất, dịch vụ, du lịch để có sự khác biệt về thu nhập của xã đạt chuẩn Nông thôn mới (NTM).

II. Kế hoạch triển khai Kết luận số 359

1. Mục tiêu

- Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp gắn với quy hoạch đất đai và tổ chức lại dân cư nông thôn để phát triển một nền nông nghiệp tập trung, sạch, hữu cơ, an toàn, từng bước công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung lãnh đạo phát triển mạnh lĩnh vực: *Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hóa, tâm linh gắn với Nông nghiệp làng nghề theo hướng sạch, an toàn, công nghệ cao.*

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng NTM gắn với thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, khóa IX về phát động phong trào thi đua “*Đồng Khởi mới*” và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, tạo sự chuyển biến đột phá trong huy động nguồn lực, xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Lấy xây dựng nông thôn mới làm nền tảng, là trọng tâm. Đến hết năm 2020 công nhận 50 xã và 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, năm 2025, các phần đầu hoàn thành xã còn lại và có ít nhất 3 huyện (kể cả Chợ Lách) đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

2. Khung nội dung chỉ tiêu đánh giá theo Kết luận số 359

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

3. Nhiệm vụ - giải pháp chung

a) Về công tác tổ chức

- “Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện đề án Du lịch - Làng nghề” để thống nhất điều hành mục tiêu đưa du lịch thành một mũi nhọn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bến Tre. Đổi mới và hoàn thiện Ban chỉ đạo kinh tế hợp tác xã.

- Rà soát, kiện toàn cơ cấu tổ chức bên trong Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và bổ sung biên chế, nhiệm vụ phù hợp cho Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh.

b) Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức đến toàn hệ thống chính trị ở các cấp và người dân

- Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền nâng cao nhận thức về sự cần thiết, tất yếu và tầm quan trọng của thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, xây dựng và hoàn thiện chuỗi giá trị gắn với xây dựng NTM và “**Ngày chủ nhật NTM**” đến các cấp, ngành, địa phương và người dân. Từng bước nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp và hợp tác xã (HTX) về liên kết sản xuất, xây dựng vùng nguyên liệu theo hướng hữu cơ, an toàn.

- Xây dựng bộ tài liệu tuyên truyền và tổ chức triển khai tài liệu tuyên truyền đến tất cả các ban ngành đoàn thể từ tỉnh đến địa phương và người dân.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể cho việc thực hiện “**Ngày chủ nhật NTM**” vào ngày Chủ nhật của tuần cuối tháng với những việc làm cụ thể, kế hoạch rõ ràng do Ban quản lý cấp xã xây dựng.

- Thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền qua các hệ thống thông tin truyền thông, báo đài và lồng ghép các lớp tập huấn, đào tạo,...

c) Đẩy nhanh tiến độ xây dựng NTM

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy tốt vai trò của cả hệ thống chính trị trong tuyên truyền, giáo dục, vận động để người dân tích cực tham gia, đóng góp vào xây dựng nông thôn mới; củng cố và nâng cao vai trò trách nhiệm của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia các cấp; tổ chức triển khai thực hiện tốt “**Ngày chủ nhật NTM**”.

- Khẩn trương rà soát, điều chỉnh và bổ sung quy hoạch NTM ở tất cả các xã trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn, hiện đại gắn với phát triển du lịch;

- Huy động tốt các nguồn lực gắn với phát huy tinh thần và nội lực của nhân dân để củng cố, duy trì và nâng chất các tiêu chí đã đạt, nâng cao số tiêu chí đạt được bình quân hàng năm, trong đó tập trung vào nhóm tiêu chí trọng tâm là: giao thông; tổ chức sản xuất, nâng cao thu nhập; môi trường và đảm bảo an ninh nông thôn.

- Khuyến khích phát triển các nghề mới phù hợp với điều kiện địa phương theo chủ trương “*mỗi xã một sản phẩm*”, tập trung xây dựng thí điểm làng văn hóa - du lịch ở huyện Chợ Lách.

- Tập trung thực hiện kịp thời, đồng bộ, có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh trên lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nhất là chính sách đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, phát triển kinh tế hợp tác,...; đẩy mạnh việc xã hội hóa trong công tác cung cấp nước sạch, giáo dục, y tế, gắn với việc tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, y tế trong hệ thống công lập; tiếp tục duy trì và nâng chất các tiêu chí văn hóa tại các ấp, xã đạt chuẩn văn hóa; tập trung nguồn lực hợp lý để thực hiện tốt quy hoạch đô thị, khu dân cư vùng nông thôn,... tạo tiền đề vững chắc cho phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn, góp phần nâng cao đời sống, vật chất tinh thần và thay đổi diện mạo nông thôn.

d) Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

Tổ chức lại sản xuất theo hướng tập trung (tổ hợp tác, HTX, trang trại, gia trại), xây dựng và hoàn thiện chuỗi giá trị 8 sản phẩm nông nghiệp chủ lực đáp ứng nhu cầu thị trường gắn với xây dựng nông thôn mới, chuyển đổi từ duy trì sản xuất nông nghiệp sang làm kinh tế nông nghiệp góp phần ổn định sản xuất và tăng thu nhập người dân nông thôn. Phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ giá trị sản phẩm nông-lâm-thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết là **30%**.

- Tăng cường vận động nông dân tham gia các tổ hợp tác (THT), HTX kiểu mới; hỗ trợ đào tạo nâng cao kiến thức tay nghề chuyên môn, sử dụng công nghệ thông tin, kỹ năng tổ chức và quản lý, điều hành hoạt động các THT, HTX; từng bước hình thành các vùng sản xuất tập trung đảm bảo cung cấp sản phẩm, nguyên liệu ổn định cho nhu cầu thị trường.

- Các địa phương rà soát xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bố trí lại cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thủy sản theo hướng tập trung, ứng dụng công nghệ cao, phù hợp với điều kiện địa phương và điều kiện biến đổi khí hậu. Ngoài 8 sản phẩm chủ lực của tỉnh, từng địa phương cần chủ động rà soát, lựa chọn những sản phẩm đặc trưng của địa phương để xây dựng và hoàn thiện chuỗi giá trị nhằm góp phần phát triển mạnh và bền vững nền nông nghiệp của tỉnh.

- Thực hiện có hiệu quả giải pháp kêu gọi doanh nghiệp liên kết với THT, HTX trong việc cung ứng các sản phẩm đầu vào, tiêu thụ sản phẩm đầu ra của THT, HTX; đặc biệt là ưu tiên khuyến khích kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất và chế biến các sản phẩm nông thủy sản của tỉnh.

- Huy động nguồn lực tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất (thủy lợi, giao thông nông thôn, cảng cá,...) trong điều kiện thích ứng với biến đổi khí hậu.

d) Tập trung nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ

- Chuyển giao khoa học kỹ thuật gắn với thông tin thị trường, giá cả sản phẩm nhằm nâng cao nhận thức của nông dân theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và đẩy mạnh áp dụng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP); thúc đẩy tăng hàm lượng giá trị gia tăng và xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu một số nông sản chủ lực của tỉnh, nâng cao hiệu quả sử dụng đất trên cùng đơn vị diện tích đất canh tác. Phân đầu đến năm 2025 có 20% sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chuẩn GAP để sản xuất ra những sản phẩm **“Made in Ben Tre”** có chất lượng, tính cạnh tranh cao.

- Chú trọng phát triển các loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản có khả năng thích ứng với nước lợ và nước mặn; nghiên cứu thực nghiệm, thử nghiệm và chuyển giao thực hiện chương trình cải tạo các giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản trong điều kiện thích ứng với BĐKH và hạn mặn phục vụ tái cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo từng vùng sinh thái.

- Phát triển, nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả, thích ứng với BĐKH, phát huy thế mạnh làng nghề, phát triển các loại cây giống, hoa kiểng mới có giá trị kinh tế.

- Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn; chú trọng công tác đào tạo cán bộ có năng lực, trình độ về hỗ trợ địa phương thực hiện Đề án.

e) Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại và kết nối thị trường

- Tổ chức có hiệu quả hơn hoạt động xúc tiến thương mại thông qua kết nối thị trường và quảng bá thương hiệu nông sản, tham gia các hội chợ, triển lãm, xây dựng website giới thiệu sản phẩm, phát triển thị trường trong và ngoài nước; chú trọng vai trò chủ động tham gia của doanh nghiệp trong tổ chức hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ tổ chức và phát triển hệ thống kênh phân phối, bán hàng nông sản đến các chợ truyền thống và hệ thống các siêu thị tại các khu đô thị, các khu công nghiệp trên cả nước.

- Hỗ trợ xây dựng và phát triển nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý các sản phẩm chủ lực và đặc thù của tỉnh.

é) Tập trung huy động các nguồn lực phục vụ phát triển nông nghiệp

Phát huy tổng hợp các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp - nông thôn trên cơ sở tăng cường huy động, lồng ghép vốn từ các chương trình, dự án liên quan để thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây

dựng nông thôn mới; đẩy mạnh kêu gọi đầu tư lĩnh vực chế biến nông thủy sản xuất khẩu và đầu tư công nghiệp phụ trợ phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp để hình thành hệ thống doanh nghiệp có quy mô lớn, có thương hiệu và có khả năng cạnh tranh cao tham gia liên kết và phát triển chuỗi giá trị nông thủy sản.

g) *Xây dựng và triển khai đầy đủ, đồng bộ cơ chế, chính sách*: Triển khai đồng bộ hệ thống cơ chế, chính sách liên quan, thực hiện có hiệu quả hình thức hợp tác công tư để đầu tư vào nông nghiệp - nông thôn, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nông dân - doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn ưu đãi, vốn khoa học công nghệ, tín dụng và các nguồn hỗ trợ khác để đầu tư mở rộng sản xuất - kinh doanh, tham gia tích cực vào chuỗi giá trị sản phẩm; chú trọng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nghiên cứu đề xuất cơ chế quản lý, điều phối giữa các tác nhân tham gia chuỗi và chính sách cho doanh nghiệp dẫn đầu chuỗi.

h) *Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực*: Tập trung đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn, chú trọng đào tạo nghề cho nông dân gắn với xây dựng mô hình phát triển sản xuất tiêu biểu tại địa phương để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trên diện tích đất canh tác; hỗ trợ, đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho các doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị nông sản, hỗ trợ đào tạo tập trung cho cán bộ quản lý các HTX, THT và đề xuất cơ chế, chính sách đưa cán bộ có năng lực về cơ sở quản lý điều hành HTX kiểu mới.

i) *Nâng cao năng suất lao động và chất lượng tăng trưởng ngành Nông nghiệp theo chiều sâu*: Tập trung xây dựng mô hình phát triển sản xuất tiêu biểu tại các địa phương theo hình thức THT, HTX kiểu mới liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp đầu vào, đầu ra theo chuỗi giá trị và thực hiện các biện pháp để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh tế và đảm bảo tăng trưởng ngành Nông nghiệp ổn định theo chiều sâu; rà soát, chọn lọc và thực hiện các biện pháp thiết thực, căn cơ hơn để tổ chức nhân rộng các mô hình kinh tế nông nghiệp có hiệu quả trong điều kiện thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là hạn - mặn và hội nhập kinh tế quốc tế.

l) *Tổ chức thực hiện liên kết vùng*: Triển khai thực hiện liên kết vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Tiểu vùng giữa sông Tiền, sông Hậu (gồm 04 tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh và Bến Tre,...); liên kết giữa Bến Tre với các Thành phố lớn như thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Cần Thơ và thành phố Hà Nội,... để liên kết sản phẩm nông nghiệp có lợi thế và xây dựng chuỗi giá trị ngành hàng nông nghiệp chủ lực với 02 sản phẩm dứa - bưởi, từng bước nhân rộng các sản phẩm chủ lực khác.

III. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các ngành, đại phương tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 359 và nội dung Kế hoạch này. Đồng thời, giúp UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả theo quy định; tham mưu tổ chức hội nghị sơ kết hàng năm và tổng kết giai đoạn để rút kinh nghiệm, nghiên cứu đề xuất cơ chế chính sách, giải pháp thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả hơn.

2. Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ được phân công xây dựng kế hoạch cụ thể cho ngành, địa phương *theo từng năm* để triển khai thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh quan tâm tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện chuỗi giá trị từ khâu thị trường - sản xuất - bảo quản - thu gom - chế biến - phân phối, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; phối hợp tập hợp lực lượng tham gia vào các THT, HTX kiểu mới; nắm sát tình hình phản biện xã hội trong việc triển khai, thực hiện Kết luận.

4. Liên Hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật, các hội nghề nghiệp phối hợp tuyên truyền vận động và phát huy vai trò của các cấp Hội tích cực tham gia hỗ trợ chuỗi giá trị nông sản, hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp gắn kết chặt chẽ đảm bảo tuân thủ đúng cam kết, hợp đồng đã ký; phát huy tính tích cực, chủ động của người nông dân thông qua các tổ chức Hội để đề xuất với Nhà nước và Doanh nghiệp về các kế hoạch phối hợp thực hiện chuỗi giá trị trong thời gian tới.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Kết luận số 359, UBND tỉnh yêu cầu thủ trưởng các sở, ngành liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tập trung triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả Kết luận số 359 và nội dung Kế hoạch này. Đồng thời, trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc và định kỳ 6 tháng (ngày 15/06) và hàng năm (ngày 15/12) báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận: (kèm phụ lục)

- TT TU, TT HĐND tỉnh (thay b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- Chánh, các PCVP;
- Phòng TH, KT;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ THEO KẾT LUẬN 359-KL/TU
 (Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch số: 1185/KH-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



T T	Nội dung	Chi tiêu đánh giá Đến năm 2020	Chi tiêu đánh giá Đến năm 2025	Đơn vị chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Tổ chức, kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết	Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định “Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện đề án Du lịch – Làng nghề”	Quyết định Thành lập Ban Chỉ đạo	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các đơn vị có liên quan thực hiện
		Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định Bổ sung thêm chức năng chỉ đạo xây dựng chuỗi giá trị nông nghiệp sạch, an toàn, từng bước công nghệ cao vào Ban chỉ đạo đổi mới và hoàn thiện kinh tế hợp tác xã	Quyết định Kiện toàn Ban Chỉ đạo	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các đơn vị có liên quan thực hiện
		Cơ cấu lại tổ chức bên trong Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và bổ sung biên chế, nhiệm vụ phù hợp cho Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh	Cơ cấu tổ chức mới bổ sung	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nội vụ; Văn phòng Điều phối xây dựng NTM thực hiện
2	Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức đến toàn hệ thống chính trị	Xây dựng bộ tài liệu tuyên truyền và tổ chức triển khai tài liệu tuyên truyền đến tất cả các ban ngành đoàn thể từ tỉnh đến địa phương và người dân.	Bộ tài liệu	Ban Tuyên Giáo Tỉnh ủy và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn Phòng	Các Sở ban ngành, đoàn thể tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

	ở các cấp và người dân				điều phối Xây dựng NTM;	
		Xây dựng kế hoạch cụ thể cho việc thực hiện “Ngày chủ nhật Nông thôn mới”			Văn Phòng điều phối Xây dựng NTM	Các Sở ban ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố
3	Đẩy nhanh tiến độ xây dựng NTM	Hướng dẫn các xã tiến hành rà soát, điều chỉnh và bổ sung quy hoạch NTM cho phù hợp với điều kiện thực tế và lợi thế cạnh tranh của từng địa phương.	Hoàn thành các báo cáo điều chỉnh quy hoạch cấp xã	Triển khai thực hiện và giám sát đánh giá kết quả thực hiện	Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM tỉnh	Các sở ban, ngành tỉnh và UBND các huyện/thành phố
		Sớm hoàn thành xây dựng đề án “mỗi xã một sản phẩm” để làm cơ sở hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện.	Hoàn thành và triển khai thực hiện đề án	Tiếp tục triển khai thực hiện đề án	Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM	Các sở ban, ngành tỉnh và UBND các huyện/thành phố
		Triển khai đề án xây dựng “Làng văn hóa - du lịch” tại Chợ Lách.	Hoàn thành xây dựng đề án	Tiếp tục triển khai thực hiện đề án	Sở Văn hóa, Thông tin và Du lịch, UBND huyện Chợ Lách	và các đơn vị có liên quan
4	Tổ chức lại sản xuất, tái cơ cấu ngành nông nghiệp; tập	Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định điều chỉnh các chỉ tiêu đề án tái cơ cấu tỉnh Bến Tre theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính	Quyết định điều chỉnh, bổ sung đề án		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan

<p>trung đẩy nhanh xây dựng và hoàn thiện chuỗi giá trị 8 sản phẩm chủ lực của tỉnh</p>	<p>phủ về việc phê duyệt kế hoạch cơ cấu ngành nông nghiệp gia đoạn 2017-2020</p>				
	<p>- Hỗ trợ các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi cho phù hợp với định hướng phát triển chung, điều kiện thực tế của từng vùng và thích ứng với biến đổi khí hậu, nhằm tạo ra sản phẩm hàng hóa tập trung, chất lượng cao</p>	<p>Hoàn thành và triển khai thực hiện các kế hoạch chuyển đổi</p>	<p>Tiếp tục triển khai thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>	<p>Các sở ban, ngành tỉnh và UBND các huyện/thành phố</p>
	<p>- Xây dựng kế hoạch phối hợp triển khai thực hiện việc củng cố, xây dựng HTX theo Luật HTX 2012 và các chính sách hỗ trợ HTX đồng bộ hiệu quả</p>	<p>Hoàn thành và triển khai thực hiện kế hoạch phối hợp</p>		<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên Minh HTX tỉnh</p>	<p>Các sở ban, ngành tỉnh và UBND các huyện/thành phố</p>
	<p>Tiếp tục triển khai việc thành lập, củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX, THT</p>	<p>Có 90 HTX được thành lập, 104 HTX hoạt động có hiệu quả.</p>		<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Liên Minh HTX;</p>	<p>Các sở ban, ngành tỉnh và UBND các huyện/thành phố</p>
<p>- Củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động HTX hiện có và phát triển HTX mới tiêu biểu có thực hiện liên kết ngang với doanh nghiệp 8 sản phẩm chủ lực của tỉnh (theo Kế hoạch số 2835/KH-UBND ngày 19/6/2018 của UBND tỉnh).</p>	<p>- Củng cố 07 HTX hiện có (Bưởi 5, chôm chôm 1, hoa kiểng 1) - Xây dựng mới 29 HTX (dừa 7, bưởi 3, chôm chôm 4,</p>	<p>- Tiếp tục phát triển bền vững chuỗi giá trị 08 sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh và nhân rộng các</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Liên minh HTX; Sở Công Thương (chuỗi</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan</p>	

- Cùng cố nâng cao hiệu quả hoạt động các HTX nghề, HTX lúa sạch, HTX lúa chất lượng cao, THT rau sạch

nhân 3, hoa kiểng 3, heo 3, bò 3, tôm biển 3).

- 07 HTX nghề tại 3 huyện ven biển; 01 HTX lúa sạch tại Thanh Phú; THT rau sạch tại Ba Tri

sản phẩm khác đặc thù của địa phương

- Nhân rộng mô hình HTX lúa sạch tại Thanh Phú, Bình Đại và mô hình HTX lúa chất lượng cao tại Ba Tri, Giồng Trôm

dừa)

Tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất

Triển khai thực hiện các dự án: Bắc Bến Tre giai đoạn 1; Nam bên Tre giai đoạn 1; CSHT phục vụ thủy sản xã Định Trung; Xây dựng CSHT phục vụ sinh kế bền vững Ba Tri và Thanh Phú; Ngăn mặn lưu vực công thủ cửu; Quản lý nguồn nước; Các công ngăn mặn các huyện Ba Tri, Mỏ Cày Nam, Chợ Lách; Cấp nước Cù Lao Minh; Xây dựng khu neo đậu

Hoàn chỉnh dự án Bắc Bến Tre giai đoạn 1; tiếp tục thực hiện các dự án (HT phục vụ sinh kế bền vững Ba Tri và Thanh Phú; Quản lý nguồn nước, dự án cấp nước Cù Lao Minh); triển khai dự án Nam Bến Tre giai đoạn 2; CSHT phục vụ thủy sản Bình Đại; các

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện/thành phố

			trú bảo cho tàu cá kết hợp cảng cá Ba Tri; Các dự án kè	dự án kè		
		Xây dựng và triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn	Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách	Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở ban, ngành tỉnh và UBND các huyện/thành phố
5	Đẩy mạnh đầu tư nghiên cứu, chuyên giao ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ cao vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn	<ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo, phát triển các cây giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản phù hợp trong điều kiện thích ứng với BĐKH; - Xác định mùa vụ hợp lý, chuyên giao ứng dụng khoa học công nghệ (đặc biệt là công nghệ cao) vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí, tăng khả năng cạnh tranh của nông sản trên thị trường - Chuyên giao công nghệ sản xuất giống sạch bệnh bằng công nghệ vi ghép cho cây bưởi da xanh để cung cấp cho nhà vườn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông lâm thủy sản được sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt (GAP) hoặc tương đương $\geq 10\%$ - Tỷ lệ diện tích sản xuất nông nghiệp được tưới tiết kiệm nước đạt $\geq 5\%$. - Tiếp nhận và làm chủ được quy trình công nghệ sản xuất cây có múi sạch bệnh bằng kỹ thuật 	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông lâm thủy sản được sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt (GAP) hoặc tương đương lên 20%) - Tỷ lệ diện tích sản xuất nông nghiệp được tưới tiết kiệm nước đạt $\geq 10\%$. - Sản xuất giống sạch bệnh bằng công nghệ vi ghép cho cây bưởi da xanh 	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện/thành phố

		vi ghép gồm sản xuất cây đầu dòng S ₁ , trồng và chăm sóc cây đầu dòng; quản lý dịch hại tổng hợp; mô hình nhân giống bưởi Da xanh, cam Sành sạch bệnh, quy mô 4000m ² , 20.000 cây/năm, đạt tiêu chuẩn do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định	đề cung cấp cho nhà vườn.		
	Xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Hình thành vùng sản xuất tập trung chất lượng cao các sản phẩm chủ lực	Hình thành vùng sản xuất tập trung chất lượng cao các sản phẩm chủ lực	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các huyện/thành phố
	<p>- Triển khai mô hình quản lý và phát triển các chứng nhận chỉ dẫn địa lý Bến Tre cho sản phẩm đã được cấp chứng nhận</p> <p>- Xây dựng chỉ dẫn địa lý Bến Tre cho sản phẩm chôm chôm và tôm càng xanh</p>	<p>- Mô hình quản lý chỉ dẫn địa lý được áp dụng cho các HTX, nhà vườn, doanh nghiệp kinh doanh điển hình</p> <p>- Sản phẩm chôm chôm, tôm càng xanh được cấp Giấy chứng nhận</p>	Phát triển mô hình chỉ dẫn địa lý cho các HTX, nhà vườn, doanh nghiệp kinh doanh có đủ điều kiện khi đưa ra thị trường phải được truy xuất	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở ban, ngành tỉnh và UBND các huyện/thành phố

			chi dẫn địa lý	nguồn gốc hoặc nhận chỉ dẫn địa lý		
6	Nâng cao hiệu quả xúc tiến thương mại, chú trọng các hoạt động kết nối thị trường	<p>- Tăng cường nghiên cứu, mở rộng thị trường, phải xác định rõ sản phẩm chủ lực của tỉnh là nông sản, thị trường mục tiêu cần là khách du lịch thành phố Hồ Chí Minh hướng đến xuất khẩu</p> <p>- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác thương mại; kịp thời dự báo thông tin thị trường giúp nông dân có kế hoạch sản xuất phù hợp; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển thị trường và xúc tiến thương mại</p>			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thực hiện hoặc đề xuất Sở Công thương phối hợp xúc tiến thương mại các mặt hàng nông sản thuộc thẩm quyền quản lý của Sở); Sở Công thương; UBND các huyện, thành phố	Các đơn vị, địa phương có liên quan
7	Lĩnh vực Lâm nghiệp	<p>- Tổ chức đo đạc, đẩy nhanh tiến độ giao đất rừng cho Ban Quản lý rừng PH&ĐD, các hộ dân theo quy định pháp luật</p> <p>- Tiếp tục triển khai thực hiện Quy hoạch bảo vệ phát triển rừng giai đoạn năm 2012-2020</p>	<p>- Hoàn thành việc giao đất rừng</p> <p>- Đến năm 2020, diện tích có rừng toàn tỉnh đạt 4.500 ha, độ che phủ là 1,9%</p>	Đến năm 2025, diện tích có rừng toàn tỉnh đạt 5.000 ha, độ che phủ là 2,1%	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện ven biển
					Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các huyện ven biển

Lĩnh vực Quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ được giao và kiểm tra định kỳ theo quy định tại Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Triển khai thực hiện chương trình kiểm soát dư lượng chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi và kiểm soát vệ sinh an toàn trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ bằng hình thức thu mẫu định kỳ hàng tháng để phân tích kiểm tra.

- Thực hiện thu mẫu giám sát chất lượng đối với sản phẩm nông sản và thủy sản sau thu hoạch, tập trung là chợ đầu mối và các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn.

- Tổ chức hướng dẫn cho các cơ sở sản xuất kinh doanh mỗi năm xây dựng tối thiểu từ 2-3 chuỗi thực phẩm an toàn.

- 100% các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm sản và Thủy sản tại các xã thuộc huyện Chợ Lách và Thành phố Bến Tre được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm,

- Xây dựng 05 chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn để cung cấp cho người tiêu dùng và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Sở Công thương, Y tế và Các sở ban, ngành tỉnh và UBND các huyện/thành phố